

KẾT QUẢ VÀ KHUYNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM QUA MỘT SỐ NGUỒN TƯ LIỆU

Tóm tắt: Dựa trên thống kê công trình nghiên cứu về tôn giáo ở Việt Nam đăng trên 5 tạp chí: Triết học, Dân tộc học, Nghiên cứu Lịch sử, Cộng sản, Nghiên cứu Tôn giáo từ năm 1975 đến năm 2013, bài viết phân loại và phân tích theo 5 nội dung: đối tượng nghiên cứu, số lượng bài nghiên cứu, tác giả nghiên cứu, địa bàn nghiên cứu, tộc người nghiên cứu nhằm góp phần tổng kết kết quả và khuynh hướng nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam trong vòng 40 năm gần đây.

Từ khóa: Kết quả, khuynh hướng, nghiên cứu, tôn giáo, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Tôn giáo ở Việt Nam từ lâu được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Trải qua thời gian, số lượng bài viết về các khía cạnh khác nhau của các tôn giáo ở Việt Nam đã khá nhiều. Tuy nhiên, cho đến nay, ngoài Tổng Mục lục hằng năm của các tạp chí, có rất ít các bài viết hay công trình nghiên cứu mang tính tổng quan về tình hình nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam. Chính vì thế, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm tìm hiểu tình hình nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam, xác định các chủ đề nghiên cứu được quan tâm và hi vọng gợi mở hướng nghiên cứu trong thời gian tới.

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chỉ tập trung vào việc thu thập, phân tích số liệu các bài viết được đăng trên 5 tạp chí (Tạp chí Triết học, Tạp chí Dân tộc học, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo) từ năm 1975 đến hết năm 2013 (chắc chắn là việc thu thập số lượng bài viết của chúng tôi chưa hoàn toàn đầy đủ), và tập trung vào các

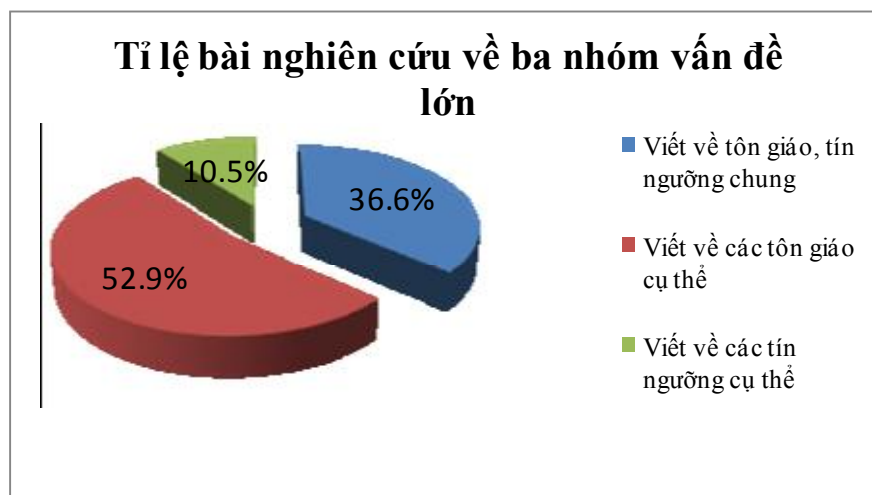
* Giảng viên bộ môn Nhân học, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

** Học viên sau đại học khoa Nhân học, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

nghiên cứu về tôn giáo ở Việt Nam, không đề cập đến các bài viết về tôn giáo ở nước ngoài. Do tính đa dạng và phức tạp của vấn đề nên những phân loại, số lượng và tỉ lệ của chúng tôi chỉ mang tính tương đối.

2. Nội dung

Trên cơ sở việc thu thập, phân tích số liệu các bài được đăng trên 5 tạp chí từ năm 1975 đến hết năm 2013, chúng tôi phân loại theo 5 tiêu chí: năm công bố, tôn giáo cụ thể, tác giả, khu vực nghiên cứu, các loại hình tôn giáo truyền thống. Qua thống kê, chúng tôi thu thập được 1.430 bài viết liên quan đến tôn giáo ở Việt Nam (trong đó: tạp chí Nghiên cứu tôn giáo có 907 bài, chiếm 63,4%; tạp chí Triết học có 187 bài, chiếm 13,1%; tạp chí Dân tộc học có 186 bài, chiếm 13%; tạp chí Nghiên cứu Lịch sử có 91 bài, chiếm 6,4%; tạp chí Cộng sản có 59 bài, chiếm 4,1%). Chúng tôi tạm thời chia ra làm 3 nhóm vấn đề lớn: Nhóm một là các bài viết về tôn giáo nói chung; Nhóm hai là các bài viết về các tôn giáo cụ thể; Nhóm ba là các bài viết về các tôn giáo truyền thống. Kết quả thống kê cho thấy, trong 3 nhóm vấn đề lớn có sự chênh lệch về số lượng các bài viết. Cụ thể: Về tôn giáo nói chung: 523 bài, chiếm 36,6%; Về các tôn giáo cụ thể: 756 bài, chiếm 52,9%; Về các tôn giáo truyền thống: 151 bài, chiếm 10,5 %. (1.430 bài = 100%)



2.1. Về năm công bố

Trong vòng 39 năm (1975 - 2013), có tổng số 1.430 bài viết có liên quan đến tôn giáo ở Việt Nam. Trung bình mỗi năm có 36,7 bài. Tuy nhiên, số lượng bài viết của từng năm có sự chênh lệch rất lớn.

Bảng 1: Thống kê bài viết theo từng năm

Stt	Năm	Số lượng bài
1	1975	5
2	1976	2
3	1977	6
4	1978	5
5	1979	3
6	1980	2
7	1981	1
8	1982	3
9	1983	2
10	1984	1
11	1985	2
12	1986	6
13	1987	3
14	1988	14
15	1989	3
16	1990	8
17	1991	11
18	1992	16
19	1993	16
20	1994	19
21	1995	12
22	1996	18
23	1997	17
24	1998	21
25	1999	34
26	2000	43

27	2001	71
28	2002	67
29	2003	69
30	2004	70
31	2005	64
32	2006	65
33	2007	114
34	2008	121
35	2009	96
36	2010	85
37	2011	118
38	2012	114
39	2013	103

Trong 39 năm, thì năm 2008 là năm có số lượng bài cao nhất với 121 bài. Bên cạnh đó, cũng có 4 năm có số lượng trên 100 bài (năm 2007 có 114 bài, năm 2011 có 118 bài, năm 2012 có 114 bài, năm 2013 có 103 bài). Số liệu trên cho thấy, số lượng bài nghiên cứu có diễn biến tăng giảm không đồng đều, nhưng xu hướng chung là tăng dần theo các năm.

Bảng 2: Thống kê bài viết theo giai đoạn 10 năm

Giai đoạn	Số bài	Tỉ lệ %
1975 - 1984	30	2,0
1985 - 1994	98	6,9
1995 - 2004	422	29,6
2005 - 2013	880	61,5
Tổng cộng	1.430	100

Số liệu ở Bảng 2 cho thấy giai đoạn sau thường gấp đôi, gấp ba giai đoạn trước (Cụ thể: giai đoạn từ năm 1985 - 1994 gấp 3,2 lần so với giai đoạn 1975 -1984, giai đoạn từ năm 1995 - 2004 gấp 4,3 lần so với giai đoạn 1975 -1984, và từ năm 2005 -2013 gấp 2,1 lần so với giai đoạn 1995 - 2004). Điều này cho thấy vấn đề tôn giáo ở Việt Nam đã được

quan tâm nghiên cứu nhiều từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX và phát triển mạnh trong giai đoạn hiện nay. Nguyên nhân có thể do: *Thứ nhất*, nhận thức, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề tôn giáo đã có những bước đột phá; *Thứ hai*, đã có cơ quan chuyên nghiên cứu về tôn giáo (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), hoặc cũng còn phụ thuộc vào điều kiện bối cảnh của từng thời kỳ.

2.2. Nghiên cứu các tôn giáo cụ thể

Kết quả thu thập và xử lý số liệu cho thấy các tạp chí đã đề cập hầu hết các tôn giáo ở Việt Nam, gồm 15 tôn giáo. Tổng số có 756 bài, chiếm 52,9% trong tổng số 1.430 bài. Chúng tôi tạm thời phân thành 8 nội dung:

1. Quá trình du nhập, phát triển, hoạt động;
2. Tiếp xúc và ảnh hưởng;
3. Nội dung giáo lý, giáo luật;
4. Tổ chức, giáo hội, nghi lễ;
5. Nhà nước - tôn giáo - dân tộc;
6. Nhân vật tôn giáo;
7. Cơ sở (biểu tượng) tôn giáo;
8. Vấn đề khác.

Số lượng bài viết và nội dung nghiên cứu cụ thể của từng tôn giáo có sự chênh lệch rất lớn.

Phật giáo có số lượng bài viết cao nhất: 364/1.430 bài, chiếm 25,5%. Nội dung nghiên cứu từng lĩnh vực của Phật giáo khá đồng đều, cao nhất là các bài viết về quá trình du nhập, phát triển, hoạt động có 112 bài chiếm 30,8% trên tổng số 364 bài.

Công giáo có số lượng bài cao thứ hai sau Phật giáo, có 218/1.430 bài, chiếm 15,2%. Nội dung nghiên cứu từng lĩnh vực của Công giáo không đồng đều, cao nhất là các bài viết về quá trình du nhập, phát triển, hoạt động có 61/218 bài, chiếm 28%, lĩnh vực ít được nghiên cứu nhất là về nội dung giáo lý, giáo luật, chỉ có 7 bài chiếm 3,2% và cơ sở (biểu tượng) tôn giáo có 6 bài chiếm 2,8%.

Số lượng bài viết về các tôn giáo khác ít dần và đồng thời các nội dung nghiên cứu cũng giảm theo. Cụ thể, Islam giáo có 13/1.430 bài chiếm

0,9%, Tin Lành có 25/1.430 bài chiếm 1,8%. Những bài viết về hai tôn giáo này chủ yếu đề cập tới quá trình du nhập, phát triển, hoạt động, giao thoa và ảnh hưởng. Đạo Cao Đài có 20/1.430 bài, chiếm 1,4%. Số lượng bài viết tuy ít nhưng trải khá đều các nội dung nghiên cứu.

Khổng giáo có số lượng bài nghiên cứu tương đối nhiều: 90/1.430 bài, chiếm 6,7%. Nội dung nghiên cứu của từng lĩnh vực trong Khổng giáo cũng không đều. Nội dung được nghiên cứu nhiều nhất là quá trình du nhập, phát triển, hoạt động: 22 bài, chiếm 24,4%; nghiên cứu tiếp xúc và ảnh hưởng của Khổng giáo: 15 bài, chiếm 16,7%.

Các bài viết về Đạo giáo không nhiều và cũng không đều ở các nội dung nghiên cứu, có 10/1.430 bài chiếm 0,7%.

Các tôn giáo khác có số lượng bài viết ít và thậm chí không có bài viết nào. Cụ thể: Phật giáo Hòa Hảo có 2 bài chiếm 0,14%; Tứ Ân Hiếu Nghĩa có 4 bài chiếm 0,28%; Bửu Sơn Kỳ Hương có 5 bài viết chiếm 0,35%; Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam có 1 bài chiếm 0,07%; Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo có 1 bài chiếm 0,07%; Minh Lý đạo - Tam Tông miếu không có bài nào; Đạo Bahai'i có 1 bài chiếm 0,07%; Bàlamôn giáo có 2 bài chiếm 0,14%. Những bài viết về các tôn giáo này chủ yếu đề cập tới quá trình du nhập, phát triển, hoạt động. Những nội dung khác có ít hoặc không đề cập đến.

Những con số nêu trên cho thấy: Tôn giáo được nghiên cứu nhiều nhất ở Việt Nam là Phật giáo, tiếp đến là Công giáo. Các tôn giáo còn lại đều mới chỉ mới bắt đầu được nghiên cứu và đề cập trong những năm gần đây.

2.3. Về tác giả nghiên cứu

Đội ngũ nghiên cứu rất đông đảo. Số lượng các bài viết giữa các tác giả cũng có sự khác nhau. Số liệu thống kê cho thấy có 677 tác giả, trong đó 663 tác giả là người Việt Nam, 14 tác giả là người nước ngoài. Số lượng bài viết trên 5 tạp chí khoa học chuyên ngành cho thấy: số tác giả có từ 1 đến 4 bài có 627 người, chiếm 92,6%. Số tác giả có từ 5 đến 9 bài có 31 người, chiếm 4,6%; từ 10 đến 15 bài có 13 người, chiếm 1,9%; từ 16 bài trở lên có 6 người, chiếm 0,9%.

Số liệu trên cho thấy, số tác giả có từ 1 đến 4 bài chiếm tỉ lệ cao nhất; từ 5 đến 9 bài không nhiều; từ 10 đến 15 bài ít; từ 16 bài trở lên là rất ít. Dưới đây là bảng thống kê các tác giả phân loại theo số lượng bài viết và nội dung nghiên cứu.

(**Mã hóa:** L1: Lý luận tôn giáo và lí luận chung; L2: Lý luận tôn giáo gắn với các tộc người; PG: Phật giáo; CG: Công giáo; KG: Không giáo; CD: Đạo Cao Đài; Is: Islam giáo)

Bảng 3: Các tác giả và nội dung nghiên cứu chính (từ 5 - 9 bài)

Stt	Tên tác giả	Số bài	Nội dung
1.	Minh Anh	8	KG
2.	Lê Ngọc Canh	5	PG
3.	Lê Anh Dũng	9	CD
4.	Đặng Thế Đại	6	L1
5.	Nguyễn Tất Đạt	6	PG
6.	Mộng Đắc	6	PG
7.	Nguyễn Đại Đồng	6	PG
8.	Vũ Trường Giang	6	L2
9.	Hồ Trọng Hoài	5	L1
10.	Nguyễn Quang Hưng	5	L1
11.	Tạ Quốc Khánh	5	PG
12.	Lê Thị Lan	7	PG, KG
13.	Võ Phương Lan	7	PG, KG
14.	Trần Hồng Liên	6	PG
15.	Đoàn Triệu Long	9	CG
16.	Tạ Long	5	L1
17.	Nguyễn Văn Minh	9	L2
18.	Văn Món	6	L2
19.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	5	PG
20.	Nguyễn Xuân Nghĩa	9	L1
21.	Bá Trung Phụ	5	PG, Is
22.	Vương Duy Quang	7	L2
23.	Nguyễn Ngọc Quỳnh	5	PG
24.	Lý Hành Sơn	6	L2

25.	Trần Tiến Thành	6	PG, CD
26.	Hồ Bá Thâm	5	L1
27.	Ngô Đức Thịnh	6	L1
28.	Phạm Huy Thông	8	CG
29.	Lê Hữu Tuấn	5	PG
30.	Trần Nguyên Việt	7	PG, KG
31.	Nguyễn Thanh Xuân	6	CD

Bảng 4: Các tác giả và nội dung nghiên cứu chính (10 - 15 bài)

Stt	Tên tác giả	Số bài	Nội dung
1.	Lê Cung	11	PG
2.	Nguyễn Mạnh Cường	14	PG, CG
3.	Ngô Quốc Đông	12	CG
4.	Lê Đức Hạnh	11	L1, CG
5.	Nguyễn Hùng Hậu	10	PG, KG
6.	Đỗ Lan Hiền	14	L1, PG, CG
7.	Nguyễn Duy Hình	11	PG
8.	Nguyễn Văn Kiệm	10	CG
9.	Nguyễn Phú Lợi	14	L1, CG
10.	Nguyễn Đức Lữ	14	L1, PG, CG
11.	Nguyễn Đức Sự	11	PG, KG
12.	Hoàng Thị Thơ	10	PG
13.	Nguyễn Tài Thư	14	PG, KG

Bảng 5: Các tác giả và nội dung nghiên cứu chính (>=16 bài)

Stt	Tên Tác giả	Số bài	Nội dung
1.	Nguyễn Hồng Dương	45	CG
2.	Lê Tâm Đắc	20	PG
3.	Đỗ Quang Hưng	49	L1, CG
4.	Hà Thúc Minh	16	L1, PG, KG

5.	Nguyễn Quốc Tuấn	18	L1, PG
6.	Đặng Nghiêm Vạn	16	L1

Trong tổng số 50 tác giả liệt kê trên, có 15 người nghiên cứu các vấn đề lý luận chung và lý luận về quan điểm, chính sách tôn giáo; 26 người nghiên cứu về Phật giáo; 10 người nghiên cứu về Công giáo; 9 người nghiên cứu về Khổng giáo; 5 người nghiên cứu về tôn giáo các dân tộc thiểu số. Những con số trên cũng cho thấy, đội ngũ nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề tôn giáo ở Việt Nam đã hình thành, nhưng không nhiều và chỉ tập trung vào một số tôn giáo chiếm ưu thế.

2.4. Về khu vực nghiên cứu

Khu vực nghiên cứu cũng là một vấn đề quan trọng trong việc nghiên cứu các tôn giáo ở Việt Nam. Trong tổng số 1.430 bài, có 115 bài viết về vùng/miền, chiếm 8,0%, nhưng cũng có sự chênh lệch khá lớn giữa các vùng miền.

Bảng 6: Phân loại các vùng/miền địa lý được nghiên cứu

Stt	Khu vực địa lý (vùng/miền)	Số bài
1	Trung du và miền núi Bắc Bộ	17
2	Miền Trung	2
3	Miền Nam	15
4	Đồng bằng Sông Hồng	7
5	Đồng bằng sông Cửu Long	12
6	Nam Bộ	40
7	Tây Nguyên	20

Bảng thống kê trên cho thấy, số lượng bài giữa các miền có sự chênh lệch nhau rõ rệt. Miền Bắc có số lượng bài nghiên cứu nhiều nhất (17 bài), tiếp sau là Miền Nam (15 bài) và thấp nhất là Miền Trung (2 bài). Có thể Miền Bắc là miền có nhiều tộc người sinh sống, mà mỗi tộc người lại có truyền thống tôn giáo riêng, nên các khía cạnh thuộc tôn giáo cũng đa dạng để nghiên cứu. Mặt khác, Miền Bắc là nơi có trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, ... của cả nước nên có thể đội ngũ nghiên cứu tôn giáo ở miền này đông đảo hơn.

Bên cạnh sự khác nhau giữa các miền, thì giữa các vùng cũng có sự chênh lệch về số bài nghiên cứu. Vùng Nam Bộ là vùng có số lượng các bài nghiên cứu nhiều nhất (40 bài), tiếp sau là vùng Tây Nguyên (20 bài), các vùng còn lại thì số lượng bài nghiên cứu ít hơn. Vùng Nam Bộ và Tây Nguyên có số lượng bài viết nghiên cứu nhiều có thể là do hai vùng này có nhiều loại hình tôn giáo, và hơn nữa ở hai vùng này, độ đậm đặc của Công giáo và Tin Lành cao hơn các vùng khác.

Tuy nhiên, chúng tôi muốn chi tiết hơn về số lượng bài đề cập đến các tỉnh/thành phố cụ thể. Số liệu thống kê cho thấy có 177 bài, chiếm 12,4% trong tổng số 1.430 bài nghiên cứu về tôn giáo ở Việt Nam đề cập đến đến 41 tỉnh/thành phố, trong đó số lượng các bài nghiên cứu về từng tỉnh/thành cũng có sự chênh lệch nhau nhiều.

Bảng 7: Phân loại các tỉnh /thành phố được nghiên cứu

Stt	Tỉnh/Thành phố	Số bài
1.	Bà Rịa - Vũng Tàu	2
2.	Bắc Giang	2
3.	Bắc Kạn	3
4.	Bắc Ninh	3
5.	Bến Tre	1
6.	Bình Dương	2
7.	Cà Mau	1
8.	Cao Bằng	3
9.	Đà Nẵng	5
10.	Đắk Lắk	2
11.	Đồng Nai	8
12.	Hà Giang	2
13.	Hà Nội	24
14.	Hà Tây	3
15.	Hải Phòng	2
16.	Hòa Bình	5
17.	Khánh Hòa	2

18.	Kiên Giang	1
19.	Kon Tum	10
20.	Lai Châu	2
21.	Lâm Đồng	4
22.	Lạng Sơn	3
23.	Lào Cai	9
24.	Nam Định	4
25.	Nghệ An	9
26.	Ninh Thuận, Bình Thuận	13
27.	Phú Thọ	3
28.	Quảng Nam	5
29.	Quảng Ngãi	3
30.	Quảng Ninh	2
31.	Sóc Trăng	3
32.	Sơn La	8
33.	Thái Bình	4
34.	Thái Nguyên	3
35.	Thanh Hóa	7
36.	Thừa Thiên - Huế	4
37.	Tp. Hồ Chí Minh	4
38.	Trà Vinh	2
39.	Tuyên Quang	1
40.	Vĩnh Long	1
41.	Vĩnh Phúc	2

Bảng trên cho thấy, các tỉnh/thành phố được nghiên cứu thuộc khu vực Miền Bắc có 20, với tổng cộng 88 bài, trong đó số lượng bài nghiên cứu về Thành phố Hà Nội là nhiều nhất (24 bài); tiếp sau là tỉnh Lào Cai (9 bài); tỉnh Sơn La (8 bài), còn các tỉnh khác có số lượng bài ít hơn, từ 1 đến 5 bài.

Khu vực Miền Trung có 10 tỉnh/thành phố được nghiên cứu, với tổng cộng 51 bài, trong đó tỉnh Kon Tum (10 bài), Nghệ An (9 bài) và Thanh Hóa (7 bài) là những tỉnh có số lượng bài viết nhiều nhất, còn các tỉnh khác có số lượng bài ít hơn, với số lượng bài từ 1 đến 5 bài.

Khu vực Miền Nam có 11 tỉnh/thành phố được nghiên cứu, với tổng số 38 bài, trong đó các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận (13 bài), Đồng Nai (8 bài) là những tỉnh có số lượng bài viết nhiều nhất, còn các tỉnh khác cũng có số lượng bài ít, từ 1 đến 5 bài.

So sánh giữa các tỉnh/thành phố được nghiên cứu thì Thành phố Hà Nội có số lượng bài viết nhiều nhất. So sánh các tỉnh thành/ phố thuộc từng miền thì Miền Bắc có số bài và số tỉnh thành được nghiên cứu cũng nhiều nhất. Cả nước có 64 tỉnh/ thành phố, thì các nghiên cứu mới đề cập đến 41 tỉnh/ thành phố, còn 23 tỉnh thành/phố chưa được nghiên cứu.

2.5. Về các tôn giáo truyền thống

2.5.1. Các loại hình tôn giáo truyền thống

Bảng 8: Các loại hình tôn giáo truyền thống ở Việt Nam

Stt	Loại hình	Số bài	Cụ thể	Số bài
1	Thờ cúng tổ tiên	7	Thờ cúng tổ tiên nói chung	6
			Nghi lễ dòng họ	1
2	Nghi lễ vòng đời	37	Nghi lễ vòng đời nói chung	4
			Sinh đẻ	3
			Lễ cưới	11
			Tang ma	16
			Cấp sắc	3
3	Nghề nghiệp	12	Nông nghiệp	8
			Thờ tổ nghề	1
			Thờ cá ông	3
4	Thờ thần	29	Thờ thành hoàng làng	4
			Mẫu	19
			Anh hùng dân tộc	2
			Thổ thần, thổ địa	3
			Thờ đá	1
5	Lễ hội truyền thống	47		
			Ma thuật	5
			Lễ nghi liên quan đến săn bắn	2

6	Các loại hình khác	23	Then	1
			Hát Đô	1
			Mo	1
			Cúng sao giải hạn	1
			Ma quỷ	1
			Lễ cầu an	1
			Lễ nghi liên quan đến nhà cửa	5
			Thờ cây	1

Theo kết quả thống kê trên, có tổng cộng 151 bài viết về tôn giáo truyền thống, chiếm 10,5 % trong tổng số 1.430 bài viết về tôn giáo ở Việt Nam. Trong đó, lễ hội truyền thống có 47 bài, chiếm tỉ lệ cao nhất (31,1%); Nghi lễ vòng đời có 37 bài (23,0%), trong đó có 16 bài về nghi lễ tang ma, chiếm 47,1% ; Thờ cúng tổ tiên có 7 bài, chiếm 5,6% và chiếm tỉ lệ ít nhất so với các nghi lễ khác.

2.5.2. Về các tộc người

Có 33 tộc người được nghiên cứu, với tổng số 202 bài, chiếm 14,1% trong tổng số 1.430 bài viết về tôn giáo ở Việt Nam. Tuy nhiên, số lượng bài nghiên cứu về các tộc người cũng có sự chênh lệch rất lớn.

Bảng 9: Phân loại bài nghiên cứu theo tộc người

Stt	Tên tộc người	Số bài
1.	Người Ba na	3
2.	Người Bru - Vân kiều	3
3.	Người Cao Lan	4
4.	Người Chăm (Chàm)	32
5.	Người Choro	1
6.	Người Churu	1
7.	Người Chứt	1
8.	Người Co	1
9.	Người Cốt	1
10.	Người Dao	12
11.	Người Ê Đê	1
12.	Người Giarai	4

13.	Người Giáy	1
14.	Người Hà Nhì	1
15.	Người Hmông	14
16.	Người Hoa	3
17.	Người Khmer	8
18.	Người Khơ Mú	2
19.	Người La Ha	1
20.	Người Lô Lô	2
21.	Người Mạ	1
22.	Người Mảng	2
23.	Người Mnông	1
24.	Người Mường	7
25.	Người Nùng	10
26.	Người Raglai	1
27.	Người Sán Dìu	2
28.	Người Tày	17
29.	Người Thái	13
30.	Người Việt (Kinh)	49
31.	Người Xinh Mun	2
32.	Người Xơđăng	1
33.	Người Xtiêng	1

Bảng thống kê cho thấy, có 2 tộc người có số lượng bài nghiên cứu trên 30 bài: Người Việt (Kinh): 49 bài, người Chăm (Chàm): 32 bài. Có 5 tộc người có số lượng bài viết từ 10 đến 20 bài: người Tày: 16 bài; người Hmông: 14 bài; người Thái: 13 bài; người Dao: 12 bài; người Nùng: 10 bài. Có 2 tộc người có số lượng từ 5 - 9 bài: người Mường: 7 bài; người Khmer: 8 bài. Các tộc người có số lượng dưới 5 bài: 25 tộc người.

Tìm hiểu chủ đề tôn giáo được nghiên cứu ở các tộc người, chúng tôi nhận thấy:

- Trong số 49 bài nghiên cứu về người Kinh có 16 bài viết về tôn giáo chung chung; 10 bài về Công giáo; 6 bài về Phật giáo; Khổng giáo: 2 bài; Bửu Sơn Kỳ Hương: 1 bài; Thờ Mẫu: 3 bài; Cúng sao giải hạn: 1 bài; Tang ma: 1 bài; Lễ cưới: 3 bài; Lễ hội truyền thống: 3 bài; Hát Dô: 1 bài; Thờ cúng tổ tiên: 2 bài; Ma quỷ: 1 bài; Thờ Đá: 1 bài.

- Có 32 bài viết về người Chăm (Chàm), trong đó viết về tôn giáo của người Chăm nói chung: 15 bài; Về loại hình tôn giáo cụ thể có 17 bài, gồm: Islam giáo: 8 bài; Bàlamôn giáo 4 bài; Lễ hội truyền thống: 4 bài; Thờ Mẫu: 1 bài.

- Nghiên cứu về người Tày có 17 bài, trong đó viết về tôn giáo của người Tày nói chung: 6 bài; Về loại hình tôn giáo cụ thể có 10 bài, gồm: Tang ma: 3 bài; Sinh nở: 1 bài; Lễ cầu an: 1 bài; Then: 3 bài; Lễ nghi liên quan đến nhà cửa: 1 bài; Lễ hội truyền thống: 2 bài.

- Người Hmông có 14 bài, trong đó viết về tôn giáo nói chung: 2 bài; Tin Lành: 3 bài; Công giáo: 3 bài; Saman giáo: 1 bài; Lễ nghi liên quan nhà cửa: 1 bài; Lễ cúng chữa bệnh: 3 bài; Lễ cưới: 1 bài.

- Người Thái có 13 bài, trong đó tôn giáo nói chung: 6 bài; Công giáo: 1 bài; Nghi lễ liên quan đến nông nghiệp: 1 bài; Nghi lễ vòng đời: 2 bài; Thờ Thần nước: 1 bài; Lễ cưới: 1 bài; Lễ hội truyền thống: 1 bài.

- Người Dao có 12 bài, trong đó tôn giáo nói chung: 5 bài; Lễ hội truyền thống: 1 bài; Lễ cưới: 3 bài; Lễ cấp sắc: 2 bài; Tang ma: 1 bài.

- Người Nùng có 10 bài, trong đó tôn giáo nói chung: 4 bài; Then: 2 bài; Lễ nghi liên quan đến nhà cửa: 1 bài; Lễ hội truyền thống: 2 bài; Tang ma: 1 bài.

- Người Khmer có 8 bài, trong đó có 3 bài viết về tôn giáo nói chung, 5 bài về Phật giáo.

- Người Mường có 7 bài, trong đó có 2 bài về tang ma, 1 bài về thờ cây, 1 bài về lễ nghi liên quan đến sinh nở, 1 bài về nghi lễ cưới, 1 bài về lễ hội truyền thống; Mo: 1 bài.

- Người Cao Lan có 4 bài: 2 bài về lễ hội truyền thống, 1 bài về lễ nghi liên quan đến vòng đời, 1 bài về nghi lễ múa hát .

- Người Gia rai có 4 bài, trong đó, lễ hội truyền thống: 1 bài; Nghi lễ bỏ má: 1 bài; Tang ma: 1 bài; Lễ cơm mới: 1 bài.

- Người Bru - Vân Kiều có 3 bài, trong đó 1 bài: lễ hội truyền thống; 1 bài: nghi lễ liên quan đến săn bắt; 1 bài: nghi lễ liên quan đến nhà cửa.
- Người Bana có 3 bài, trong đó viết về tín ngưỡng chung 1 bài, nghi lễ liên quan đến nông nghiệp: 1 bài; lễ hội truyền thống: 1 bài.
- Người Hoa có 3 bài, trong đó viết về tín ngưỡng chung: 1 bài; Thờ Bà Thiên Hậu: 1 bài, thờ Quan Công: 1 bài.
- Người Khơ Mú có 2 bài, trong đó liên quan đến nghi lễ nông nghiệp: 1 bài, lễ nghi liên quan đến dòng họ: 1 bài.
- Người Xinh Mun có 2 bài: nghi lễ liên quan đến nông nghiệp: 1 bài, tang ma: 1 bài.
- Người Mảng có 2 bài: nghi lễ liên quan đến sinh đẻ 1 bài, tang ma 1 bài.
- Người Sán Dìu có 2 bài: tín ngưỡng chung 1 bài, lễ cấp sắc 1 bài.
- Người Lô Lô có 2 bài: lễ cưới 1 bài, nghi lễ liên quan đến nhà cửa 1 bài.
- Người Ê Đê có 1 bài về nghi lễ liên quan đến nông nghiệp.
- Người Chu Ru có 1 bài về nghi lễ liên quan đến nông nghiệp.
- Người Cơ Tu có 1 bài về tôn giáo nói chung.
- Người Hà Nhì có 1 bài về lễ hội truyền thống.
- Người Xtiêng có 1 bài về tôn giáo nói chung.
- Người Xơ Đăng có 1 bài về nghi lễ làm chuồng trâu.
- Người Giáy có 1 bài về lễ đặt tên con.
- Người Mnông có 1 bài về lễ nghi vòng đời.
- Người Co có 1 bài về tôn giáo nói chung.
- Người Mạ có 1 bài về tang ma.
- Người Chơ Ro có 1 bài về tang ma.
- Người La Ha có 1 bài về lễ cưới.
- Người Chứt có 1 bài về nghi lễ liên quan đến vòng đời.
- Người Raglai có 1 bài về nghi lễ bỏ mả.

3. Một vài nhận xét

Tổng quan trong 3 nhóm vấn đề nghiên cứu lớn có sự chênh lệch về số lượng và tỉ lệ các bài viết. Trong đó, các bài viết về các tôn giáo chiếm ưu thế ở Việt Nam và tôn giáo truyền thống nói chung có số lượng và tỉ lệ cao hơn cả. Các bài viết về các khía cạnh của tôn giáo truyền thống chiếm tỉ lệ nhỏ trong khi số lượng bài về các khía cạnh của tôn giáo chiếm ưu thế chỉ tập trung vào Phật giáo và Công giáo (phải chăng đây là hai tôn giáo có nhiều chủ đề thu hút các nhà nghiên cứu).

Số lượng bài công bố qua các năm tuy có sự chênh lệch về số lượng, nhưng đã tăng lên rõ rệt và nhiều khía cạnh của tôn giáo đã được nghiên cứu. Điều đó chứng tỏ vấn đề tôn giáo đã được coi trọng trong đời sống xã hội. Dầu có thể chất lượng bài viết chưa đồng đều nhưng đây là dấu hiệu tích cực cần tiếp tục phát huy.

Số lượng tác giả nghiên cứu tôn giáo ngày càng đông đảo và đa dạng, thu hút không chỉ tác giả trong và ngoài nước, mà còn có những tác giả theo một tôn giáo nào đó. Tuy nhiên, số lượng tác giả có nhiều bài viết cũng như các tác giả chuyên nghiên cứu về một khía cạnh của tôn giáo thì chưa nhiều.

Các bài nghiên cứu tôn giáo truyền thống đã đa dạng hơn và mở rộng ra nhiều tộc người, nhưng cũng chỉ chú trọng đến lễ hội truyền thống và các nghi lễ vòng đời, và cũng chỉ đề cập tới 34/54 tộc người ở Việt Nam. Như vậy, ở lĩnh vực tôn giáo truyền thống còn có nhiều “khoảng trống” cần quan tâm nghiên cứu. Bên cạnh đó, cũng còn có sự chênh lệch về vùng/miền nghiên cứu. Có thể thấy, khu vực Miền Bắc, Miền Nam được chú ý nghiên cứu, còn khu vực Miền Trung và Tây Nguyên khá mờ nhạt.

Nhìn chung, số lượng bài nghiên cứu về tôn giáo được đăng tải trên 5 tạp chí ở Việt Nam từ năm 1975 đến hết năm 2013 cho thấy kết quả nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam đã có những bước tiến và đạt nhiều thành tựu đáng kể, nhưng cũng còn có sự không đồng đều về đối tượng, lĩnh vực, khu vực và lực lượng nghiên cứu./.

Abstract

ACHIEVEMENT AND TREND IN RELIGIOUS STUDY IN VIETNAM THROUGH SOME DOCUMENTARY RESOURCES

Basing on the statistics of religious study works in Vietnam through five reviews such as Philosophy, Anthropology, Historical Studies, Communist and Religious Studies from 1975 to 2013. This article collects and analyses five contents: object of study, number of articles, locality of study, researchers, ethnic groups in order to summarize the achievement and trend in religious study in Vietnam during 40 years.

Keywords: Achievement, trend, religion, study, Vietnam.